

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 55/2025/HS-PT

Ngày 23-9-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lộc Sơn Thái

Các Thẩm phán: Ông Cao Đức Chiến

Bà Lương Thị Nguyệt

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Cẩm Nhung - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà:
Ông Nguyễn Tuấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 61/2025/TLPT-HS ngày 04 tháng 9 năm 2025 đối với bị cáo Lê Thị B, do có kháng cáo của bị cáo Lê Thị B đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2025/HS-ST ngày 16-7-2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Lạng Sơn.

- Bị cáo có kháng cáo: Lê Thị B, sinh ngày 07-5-1971 tại tỉnh Nam Định (nay là tỉnh Ninh Bình); căn cước công dân số: 036171007***, cấp ngày 25-3-2021, nơi cấp Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội – Bộ Công an; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Số **, đường T, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (nay là Số **, đường T, phường K, tỉnh Lạng Sơn); nghề nghiệp: Công chức thuế; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Lê Văn T và bà Phạm Thị L (đều đã chết); có chồng là Đỗ Viết Â (đã ly hôn) và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 23-8-2023 đến ngày 06-10-2023 được thay thế bằng biện pháp Bảo lĩnh. Là Đảng viên sinh hoạt tại Chi bộ III, Đảng bộ bộ phận Chi cục Thuế thành phố L thuộc Đảng bộ Cục thuế tỉnh Lạng Sơn, đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Lê Thị B: Bà Lương Thị H, Luật sư Văn phòng luật sư K thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Các bị cáo không có kháng cáo:

1. Lương Thị T, sinh ngày 18-3-1983 tại tỉnh Nam Định (nay là tỉnh Ninh Bình). Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn R, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (nay là khối R, phường Đ, tỉnh Lạng Sơn); có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Lương Thị T: Bà Nguyễn Thị Trung V, Luật sư Văn phòng luật sư T thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt;

2. Đồng Duy H, sinh ngày 25-9-1970 tại tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Số **, phố Đ, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (nay là số 23, phố Đ, phường L, tỉnh Lạng Sơn); vắng mặt;

3. Chu Văn V, sinh ngày 19-5-1965 tại tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Số **, đường N, phường T, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Ngoài ra, vụ án còn có 122 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Để chống thất thu thuế trong hoạt động xây dựng cơ bản (XD CB) tư nhân trên địa bàn thành phố L, Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố L, tỉnh Lạng Sơn đã ban hành Quyết định số 4279/QĐ-UBND ngày 27/12/2016 về việc phê duyệt Đề án Quản lý thu thuế đối với hoạt động XD CB tư nhân giai đoạn 2016-2020, được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 4482/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 và gia hạn thêm 05 năm (giai đoạn 2021-2025) theo Quyết định số 510/QĐ-UBND ngày 02/3/2021 của UBND thành phố L (gọi tắt là Đề án).

Theo quy định tại Mục III của Đề án, việc thu thuế XD CB trong trường hợp không bao thầu nguyên vật liệu thì doanh thu tính thuế căn cứ theo điểm a.1.5, khoản 2, Điều 3 Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính, cụ thể: Diện tích tính thuế là tổng diện tích m² sàn xây dựng theo hồ sơ thiết kế công trình, trường hợp không có hồ sơ thiết kế thì xác định theo diện tích thực tế xây dựng; giá tính thuế có phụ lục đơn giá xây dựng kèm theo, tỷ lệ thuế tính trên doanh thu, thuế giá trị gia tăng là 5%, thuế thu nhập cá nhân là 2%; công trình thuộc diện được miễn giấy phép xây dựng: Chủ đầu tư thực hiện kê khai, nộp thuế thay cho chủ thầu xây dựng khi công trình bắt đầu khởi công.

Thực hiện Đề án và căn cứ Quy chế làm việc của UBND xã M nhiệm kỳ 2021- 2026 (gọi tắt là Quy chế làm việc của UBND xã M), bà Lương Thị H là Chủ tịch UBND xã M đã giao nhiệm vụ bằng lời nói cho ông Đỗ Minh H, ông Triệu Văn T là các công chức Tổ Trật tự đô thị và Lương Thị T là công chức địa chính xã M để phối hợp với công chức Đội Thuế liên phường, xã * thuộc Chi cục Thuế thành phố L (gọi tắt là Đội Thuế) triển khai các biện pháp chống thất thu thuế XD CB.

Ông Nguyễn Thiện B là Đội trưởng Đội Thuế đã giao nhiệm vụ bằng văn bản cho Đồng Duy H, Lê Thị B và Chu Văn V là các công chức của Đội thuế

(gọi tắt là công chức Thuế) thực hiện nhiệm vụ trên. Ngoài ra, ông Nguyễn Thiện B còn chỉ đạo (bằng lời nói) yêu cầu công chức thuế phối hợp với cán bộ, công chức của UBND xã để tăng cường công tác quản lý thuế, chống thất thu thuế XDCB tư nhân trên địa bàn xã M.

Từ năm 2021 đến tháng 4-2023, có 177 hộ dân xây dựng mới nhà ở trên địa bàn xã M đã đến UBND xã làm thủ tục thông báo khởi công và kê khai nộp thuế. Kết quả giám định số tiền thuế phải nộp, đã nộp, số tiền thuế bị thiệt hại đã xác định có 107 bộ hồ sơ xác định được tiền thuế, cụ thể: 100 bộ hồ sơ số tiền thuế phải nộp là 1.386.398.144 đồng, số tiền thuế đã nộp là 713.234.000 đồng, số tiền thuế bị thiếu là 673.155.144 đồng; 07 bộ hồ sơ số tiền thuế phải nộp là 86.038.470 đồng, số tiền thuế đã nộp là 93.308.000 đồng, số tiền thuế nộp thừa là 7.269.530 đồng.

Quá trình phối hợp thực hiện nhiệm vụ thu thuế XDCB của các hộ dân, các bị cáo Lương Thị T, Lê Thị B, Đồng Duy H và Chu Văn V đã tính và thu không đúng tiền thuế theo quy định, gây thiệt hại cho (ngân sách Nhà nước) NSNN và thiệt hại cho cá nhân cụ thể như sau:

Đối với Lương Thị T: Lương Thị T là cán bộ địa chính xã M. Theo nhiệm vụ được giao trong công tác phối hợp chống thất thu thuế, khi có người dân đến UBND xã M để thông báo khởi công xây dựng mới nhà ở, Lương Thị T sẽ thông báo cho công chức thuế phụ trách địa bàn đến UBND xã để hướng dẫn người dân kê khai thuế và tính thuế XDCB.

Tuy nhiên, từ giữa tháng 3-2022 đến tháng 3-2023, khi có các hộ dân đến thông báo khởi công và thực hiện nghĩa vụ nộp thuế XDCB, nếu thuộc địa bàn do Đồng Duy H và Chu Văn V quản lý thì Lương Thị T sẽ tiếp nhận hồ sơ và hướng dẫn người dân điền thông tin vào mẫu Thông báo khởi công, bao gồm các nội dung: (1) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; (2) địa điểm xây dựng; (3) quy mô xây dựng (số tầng); (4) diện tích xây dựng mỗi sàn và tổng diện tích xây dựng (m^2 /sàn); (5) ngày khởi công, sau đó cho người dân ký xác nhận. Trên cơ sở thông tin do người dân cung cấp, Lương Thị T tự tính ra số tiền thuế người dân phải nộp và thu tiền thuế, sau đó thông báo cho Đồng Duy H, Chu Văn V đến UBND xã nhận số tiền thuế mà Lương Thị T đã thu được để nộp vào NSNN.

Đối với các hồ sơ thuộc địa bàn Chu Văn V quản lý, ngoài việc tính và thu tiền thuế Lương Thị T còn cho các hộ dân ký trước vào mẫu Tờ khai thuế, trong đó để trống phần doanh thu thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân, sau đó Lương Thị T đưa lại tờ khai thuế cho Chu Văn V khi Chu Văn V đến nhận tiền thuế đã thu.

Đối với các hộ dân đến thông báo khởi công thuộc địa bàn trong thời gian do Lê Thị B quản lý, Lương Thị T thông báo cho Lê Thị B để đến hướng dẫn hoặc Lương Thị T sẽ hướng dẫn người dân kê khai thông tin.

Kết quả điều tra xác định, trong quá trình phối hợp với công chức thuế thực hiện nhiệm vụ chống thất thu thuế XDCB, Lương Thị T đã tự tính và trực tiếp thu

tiền thuế của khoảng 30 hộ dân, trong đó có 02 trường hợp Lương Thị T đã hưởng lợi bất chính để tính giảm bớt số tiền thuế mà các hộ dân phải nộp, gồm:

Hộ ông Dương Huy H: Tháng 6-2022, ông Dương Huy H đến UBND xã M để thông báo khởi công và kê khai nộp thuế xây dựng nhà mới. Trước khi đến ông Hoàng đã điện thoại cho bà Lương Thị H là Chủ tịch UBND xã M và được bà Lương Thị H hướng dẫn đến UBND xã gặp Lương Thị T. Sau khi tiếp nhận thông tin Lương Thị T hướng dẫn ông Dương Huy H làm thủ tục thông báo khởi công, đồng thời Lương Thị T tính ra số tiền thuế hộ ông Dương Huy H phải nộp là 6.700.000 đồng. Sau đó, ông Dương Huy H đã chuyển 6.700.000 đồng vào tài khoản Vietinbank số 106867283909 của Lương Thị T để nộp thuế. Số tiền này Lương Thị T nộp khoảng 1.700.000 đồng các loại phí, còn lại 5.000.000 đồng Lương Thị T trình bày đã không nộp thuế cho ông Dương Huy H mà được bà Lương Thị H chỉ đạo đưa cho bà Lương Thị H 2.000.000 đồng, đưa cho ông Đặng Ngọc T là Phó Chủ tịch UBND xã M 1.500.000 đồng và Lương Thị T hưởng 1.500.000 đồng, sau đó, Lương Thị T đã không đưa tiền cho ông Đặng Ngọc T. Tuy nhiên, ngoài lời khai của Lương Thị T không có tài liệu nào khác chứng minh, vì vậy, Lương Thị T phải chịu trách nhiệm về việc hưởng lợi bất chính số tiền 5.000.000 đồng. Đến tháng 9/2022, do sợ bị phát hiện nên Lương Thị T đã đưa 5.000.000 đồng tiền của bản thân cho Chu Văn V để nhờ nộp thuế cho hộ ông Dương Huy H. Căn cứ Kết luận giám định của Cơ quan Thuế, tổng số tiền thuế hộ ông Dương Huy H phải nộp là 15.960.000 đồng, số tiền thuế đã nộp là 5.000.000 đồng, số tiền thuế nộp thiếu là 15.960.000 đồng – 5.000.000 đồng = 10.960.000 đồng.

- *Hộ ông Nguyễn Văn T (vợ là bà Hoàng Thị T):* Ngày 03-3-2022, bà Hoàng Thị T đến UBND xã M làm thủ tục nộp thuế xây dựng mới nhà ở. Sau khi tiếp nhận hồ sơ, Lương Thị T tính ra số tiền thuế bà Hoàng Thị T phải nộp là 23.000.000 đồng, Lương Thị T trao đổi với bà Hoàng Thị T nếu muốn được giảm tiền thuế còn 18.000.000 đồng thì phải đưa cho Lương Thị T 2.000.000 đồng “tiền cảm ơn”, bà Hoàng Thị T đồng ý và đã đưa 2.000.000 đồng cho Lương Thị T. Một thời gian sau, theo yêu cầu của Lương Thị T, bà Hoàng Thị T tiếp tục đưa cho Lương Thị T thêm 3.000.000 đồng.

Căn cứ Kết luận giám định giọng nói của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an, xác định giọng nói trong file ghi âm nội dung thỏa thuận giữa Lương Thị T với bà Hoàng Thị T là giọng nói của Lương Thị T. Tại Cơ quan điều tra, Lương Thị T đã thừa nhận hành vi nhận tổng số tiền 5.000.000 đồng của bà Hoàng Thị T. Căn cứ Kết luận giám định của Cơ quan Thuế, tổng số tiền thuế hộ bà Hoàng Thị T phải nộp là 22.879.360 đồng, số tiền thuế đã nộp là 18.000.000 đồng, số tiền thuế nộp thiếu là 22.879.360 đồng – 18.000.000 đồng = 4.879.360 đồng.

Như vậy, Lương Thị T đã hưởng lợi bất chính tổng số tiền 10.000.000 đồng để tính giảm bớt số tiền thuế phải nộp của 02 hộ dân nêu trên với số tiền giảm bớt là 15.839.360 đồng.

Đối với Lê Thị B: Từ ngày 06-4-2022 đến ngày 10-8-2022, Lê Thị B được giao quản lý thuế tại địa bàn xã M, có nhiệm vụ hướng dẫn các hộ dân xây dựng mới nhà ở để tính thuế và kê khai nộp thuế theo quy định. Quá trình thực hiện nhiệm vụ chống thất thu thuế, khi Lương Thị T thông báo có hộ dân đến UBND xã M để thông báo khởi công xây dựng mới nhà ở và kê khai nộp thuế, Lê Thị B đến UBND xã để hướng dẫn người dân thực hiện các thủ tục, sau đó Lê Thị B trực tiếp tính và thu thuế. Kết quả điều tra xác định, trong thời gian Lê Thị B phụ trách địa bàn xã M có phát sinh 30 hồ sơ của các hộ dân xây dựng mới nhà ở, trong đó có 24 hồ sơ đủ điều kiện giám định thuế, xác định tổng số tiền thuế đã thu thiếu là 211.683.130 đồng, gây thiệt hại cho NSNN. Đối với 06 hồ sơ còn lại không giám định được do không có đầy đủ tài liệu. Trong 24 hồ sơ đủ điều kiện giám định thuế nêu trên, Cơ quan điều tra xác định có 15 hồ sơ Lê Thị B đã tính thiếu tiền thuế tổng cộng là 135.456.660 đồng, trong đó có 06 hồ sơ mỗi hồ sơ đều thiếu tiền thuế trên 10 triệu đồng, có 04 hồ sơ Lê Thị B tính giảm số tiền thuế mà hộ dân phải nộp hưởng lợi bất chính, cụ thể:

- *Hộ bà Trần Thị Thanh H:* Ngày 20-5-2022, bà Trần Thị Thanh H xây dựng mới nhà ở trên 02 thửa đất và nhờ người quen là bà Bùi Thúy V đến UBND xã M để làm thủ tục thông báo khởi công và nộp thuế. Khi đến UBND xã M, bà Bùi Thúy V gặp và nói với Lương Thị T muốn thông báo khởi công xây dựng mới nhà ở trên 02 thửa đất, Lương Thị T đã tự tính rồi thu thuế và các khoản phí khác của 01 thửa với tổng số tiền 14.000.000 đồng, sau đó Lương Thị T thông báo cho Lê Thị B đến UBND xã để hướng dẫn và tính thuế.

Khi Lê Thị B đến, Lương Thị T không nói cho Lê Thị B biết về việc Lương Thị T đã thu tiền thuế của 01 thửa như trên và chỉ cung cấp cho Lê Thị B các tài liệu của 01 thửa còn lại, nên Lê Thị B chỉ tính thuế XDCB trên thửa này và xác định số tiền thuế hộ bà Trần Thị Thanh H phải nộp là 12.600.000 đồng, bà Bùi Thúy V đã chuyển 12.600.000 đồng vào tài khoản BIDV số 3510059338 của Lê Thị B. Số tiền này, Lê Thị B khai được bà Bùi Thúy V đề nghị chỉ ghi vào biên lai là nộp tiền thuế 5.000.000 đồng nên Lê Thị B đã viết biên lai thu thuế 5.000.000 đồng, còn lại 7.600.000 đồng Lê Thị B khai đã rút tiền mặt và đưa 5.500.000 đồng cho Lương Thị T, đưa 2.100.000 đồng cho ông Nguyễn Thiện B, ông Nguyễn Thiện B giữ lại 1.000.000 đồng và đưa lại cho Lê Thị B 1.100.000 đồng; tuy nhiên, ngoài lời khai của Lê Thị B không có tài liệu khác chứng minh; vì vậy, Lê Thị B phải chịu trách nhiệm về việc hưởng lợi bất chính số tiền 7.600.000 đồng. Theo Kết luận giám định của Cơ quan Thuế, tổng số tiền thuế hộ bà Trần Thị Thanh H phải nộp là 13.272.000 đồng. Theo các tài liệu, chứng cứ đã thu thập xác định số tiền thuế Lê Thị B đã nộp cho hộ bà Trần Thị Thanh H là 5.000.000 đồng, vì vậy số tiền thiệt hại cho NSNN xác định là 8.272.000 đồng (13.272.000 đồng – 5.000.000 đồng = 8.272.000 đồng).

Đối với số tiền 14.000.000 đồng thuế XDCB Lương Thị T đã thu của bà Bùi Thúy V nêu trên, Lương Thị T trình bày sau khi thu tiền Lương Thị T quên không nộp thuế, đến tháng 9-2022 Lương Thị T nhớ ra nên đã đưa tiền và nhờ Chu Văn V nộp thuế, phí vào NSNN cho hộ bà Trần Thị Thanh H, gồm

12.000.000 đồng tiền thuế XDCCB và khoảng 1.700.000 đồng tiền phí các loại, còn lại 300.000 đồng bà Bùi Thúy V cho Lương Thị T. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra chỉ thu thập được Tờ khai thuế và Giấy nộp tiền 12.000.000 đồng, ngoài ra không thu thập được các tài liệu khác như Thông báo khởi công và Bản vẽ thiết kế nên không đủ căn cứ để giám định xác định thiệt hại cho NSNN đối với trường hợp này.

- *Hộ ông Dương Huy H:* Như đã trình bày ở trên, tháng 6-2022, ông Dương Huy H đến UBND xã M gặp Lương Thị T để làm thủ tục thông báo khởi công và kê khai nộp thuế. Sau khi Lương Thị T tính tiền thuế, ông H đã chuyển khoản 6.700.000 đồng cho Lương Thị T nhưng sau đó Lương Thị T không nộp thuế cho hộ ông Dương Huy H. Sau khi nhận tiền của ông Dương Huy H, Lương Thị T thông báo cho Lê Thị B đến UBND xã M hướng dẫn ông Dương Huy H làm các thủ tục nộp thuế. Khi Lê Thị B đến, Lương Thị T nói "H là người quen chị Hiền, chị xem tính thuế". Do Lương Thị T không nói cho Lê Thị B biết về việc đã nhận 6.700.000 đồng tiền thuế của ông Dương Huy H trước đó nên Lê Thị B đã tính thuế cho ông Dương Huy H với số tiền phải nộp là 15.000.000 đồng. Ông Dương Huy H đề nghị Lê Thị B giúp giảm số tiền thuế phải nộp còn 10.000.000 đồng, Lê Thị B đồng ý nên ông Dương Huy H đã chuyển khoản 10.000.000 đồng vào tài khoản BIDV số 35110059338 của Lê Thị B.

Lê Thị B trình bày: Do ông Dương Huy H không yêu cầu lấy biên lai nên Lê Thị B và Lương Thị T thống nhất chỉ nộp tiền thuế 5.000.000 đồng cho ông Dương Huy H và chia nhau số tiền 5.000.000 đồng còn lại. Sau đó, Lê Thị B đã đưa cho Lương Thị T 3.000.000 đồng, còn lại 7.000.000 đồng Lê Thị B không nộp thuế cho ông Dương Huy H như đã thống nhất với Lương Thị T trước đó mà đưa toàn bộ số tiền 7.000.000 đồng này cho ông Nguyễn Thiện B, ông Nguyễn Thiện B giữ lại 3.500.000 đồng và đưa lại cho Lê Thị B 3.500.000 đồng. Tuy nhiên, ngoài lời khai của Lê Thị B không có tài liệu khác chứng minh, vì vậy Lê Thị B phải chịu trách nhiệm về việc hưởng lợi bất chính số tiền 10.000.000 đồng.

Căn cứ kết quả điều tra xác định, đến tháng 9-2022, Lương Thị T đã đưa 5.000.000 đồng tiền của bản thân cho Chu Văn V để nhờ nộp thuế cho hộ ông Dương Huy H. Tổng số tiền thuế hộ ông Dương Huy H phải nộp theo Kết luận giám định là 15.960.000 đồng, số tiền thuế nộp thiếu là 10.960.000 đồng (=15.960.000 đồng – 5.000.000 đồng), là thiệt hại cho NSNN.

- *Hộ ông Dương Ngọc H:* Ngày 09-5-2022, ông Dương Ngọc H đến UBND xã M thông báo khởi công xây dựng mới nhà ở, kê khai nộp thuế và gặp Lương Thị T. Sau khi được Lương Thị T thông báo, Lê Thị B đã đến UBND xã M đề hướng dẫn và tính số tiền thuế ông Dương Ngọc H phải nộp là hơn 17.000.000 đồng. Ông Dương Ngọc H đề nghị với Lê Thị B chỉ nộp 11.000.000 đồng và không lấy biên lai, Lê Thị B đồng ý nên ông Dương Ngọc H đã chuyển khoản 11.000.000 đồng vào tài khoản BIDV số 35110059338 của Lê Thị B.

Lê Thị B trình bày: Sau khi nhận tiền Lê Thị B không nộp thuế cho ông Dương Ngọc H mà đã chia cho Lương Thị T 5.500.000 đồng và đưa toàn bộ số tiền 5.500.000 đồng còn lại cho ông Nguyễn Thiện B, ông Nguyễn Thiện B giữ lại 2.500.000 đồng và đưa lại cho Lê Thị B 3.000.000 đồng. Tuy nhiên, ngoài lời khai của Lê Thị B không có tài liệu khác chứng minh, vì vậy, Lê Thị B phải chịu trách nhiệm về việc hưởng lợi bất chính số tiền 11.000.000 đồng. Theo Kết luận giám định của cơ quan Thuế, số tiền thuế hộ ông Dương Ngọc H phải nộp là 17.858.960 đồng, số tiền này chưa được nộp nên xác định là thiệt hại cho NSNN.

- *Hộ ông Thân Văn L*: Ngày 20-7-2022, ông Thân Văn L đến UBND xã M để làm thủ tục thông báo khởi công xây dựng mới nhà ở và kê khai nộp thuế. Lương Thị T là người tiếp nhận hồ sơ và hướng dẫn ông Thân Văn L điền các thông tin vào Thông báo khởi công, Lương Thị T chưa tính tiền thuế cho ông Thân Văn L. Khi ông Thân Văn L khởi công xây dựng, UBND xã M đến kiểm tra tại công trình và Lê Thị B đã tính số tiền thuế hộ ông Thân Văn L. Lợi phải nộp là 3.000.000 đồng. Ông Thân Văn L đã đưa cho Lê Thị B 3.000.000 đồng nhưng Lê Thị B chỉ nộp vào NSNN 2.000.000 đồng, còn lại 1.000.000 đồng Lê Thị B hưởng lợi. Theo Kết luận giám định của Cơ quan Thuế, số tiền thuế hộ ông Thân Văn L phải nộp là 4.462.500 đồng, số tiền thuế đã nộp là 2.000.000 đồng, số tiền thuế nộp thiếu là 2.462.500 đồng.

Đối với 09 hồ sơ, trong đó 05 hồ sơ Lê Thị B chưa hướng dẫn hộ dân kê khai và chưa thu thuế với tổng số tiền thuế được xác định là 61.106.150 đồng; 04 hồ sơ Lê Thị B nộp hộ cho Đồng Duy H theo chỉ đạo của ông Nguyễn Thiện B xác định tổng số tiền thuế nộp thiếu là 15.120.320 đồng, 04 hồ sơ này là các hồ sơ do Lương Thị T thu tiền hộ cho Đồng Duy H trong thời gian từ ngày 28-3-2022 đến ngày 05-4-2022. Thời điểm này Đồng Duy H xin nghỉ ốm đột xuất, Lương Thị T không biết nên vẫn tiếp tục thu thuế được (06 hồ sơ của các hộ dân, trong đó có 04 hồ sơ đủ điều kiện giám định nêu trên và 02 hồ sơ không đủ điều kiện giám định). Vì Đồng Duy H nghỉ ốm nên ông Nguyễn Thiện B bảo Lê Thị B đến UBND xã M xem cán bộ xã đã thu tiền thuế của những hộ dân nào thì nhận tiền về để nộp vào NSNN hộ cho Đồng Duy H. Bản thân Lê Thị B chỉ nộp thuế hộ cho Đồng Duy H, Lê Thị B không trực tiếp tính thuế và không có trách nhiệm tính thuế đối với các hồ sơ này.

Các hồ sơ Lê Thị B trực tiếp tính thuế

STT	Họ tên	Số tiền phải nộp	Số tiền đã nộp	Số tiền Lê Thị B vụ lợi	Số tiền thiếu
<i>(Đơn vị tính: Đồng)</i>					
1	Nguyễn Kim T	16.352.000	7.000.000		9.352.000
2	Bùi Văn V	11.972.800	5.000.000		6.972.800
3	Bế Huy H	16.576.000	7.000.000		9.576.000
4	Nguyễn Tú Q	8.898.400	4.000.000		4.898.400
5	Trần Văn T	8.680.000	6.384.000		2.296.000

6	Nguyễn Thị Đài T	16.576.000	4.000.000		12.576.000
7	Nông Thị H	18.750.480	4.000.000		14.750.480
8	Lăng Thị L	20.748.000	2.000.000		18.748.000
9	Dương Đình T	13.272.000	10.000.000		3.272.000
10	Lộc Thị T	13.007.120	3.000.000		10.007.120
11	Nông Thị N	5.454.400	2.000.000		3.454.400
12	Thân Văn L	4.462.500	2.000.000	1.000.000	2.462.500
13	Dương Huy H	15.960.000	5.000.000	10.000.000	10.960.000
14	Dương Ngọc H	17.858.960	0	11.000.000	17.858.960
15	Trần Thị Thanh H	13.272.000	5.000.000	7.600.000	8.272.000
Tổng		201.840.660	66.384.000	29.600.000	135.456.660
Các hồ sơ khởi công trong thời gian Lê Thị B phục trách, chưa tính thuế					
16	Phùng Đức C	15.730.960	0		15.730.960
17	Hồ Minh T	4.593.750	0		4.593.750
18	Nguyễn Xuân T	19.999.840	0		19.999.840
19	Hoàng Thị N	13.580.000	0		13.580.000
20	Đặng Hữu H	7.201.600	0		7.201.600
Tổng		61.106.150	0		61.106.150
Các hồ sơ Lê Thị B không trực tiếp tính thuế mà nhận tiền thuế từ Lương Thị T đã thu hộ Đồng Duy Hòa					
21	Hoàng Thị C	3.150.000	3.000.000		150.000
22	Nguyễn Tiến K	13.440.000	8.000.000		5.440.000
23	Vũ Văn D	15.730.960	10.000.000		5.730.960
24	Mông Văn H	9.999.360	6.200.000		3.799.360
Tổng		42.320.320	27.200.000		15.120.320

Đối với Đồng Duy H: Từ ngày 01-01-2021 đến ngày 05-4-2022, Đồng Duy H được giao nhiệm vụ quản lý thuế xây dựng cơ bản tại xã M, có trách nhiệm hướng dẫn các hộ dân xây mới nhà ở tính thuế và kê khai nộp thuế theo quy định.

Quá trình thực hiện nhiệm vụ, Đồng Duy H không trực tiếp xuống địa bàn để hướng dẫn, tính thuế cho các hộ dân xây dựng mới nhà ở mà nhờ các cán bộ Tổ trật tự đô thị UBND xã M là Lương Thị T, Đỗ Minh H và Triệu Văn T thực hiện. Cụ thể: Khi có hộ dân xây dựng mới nhà ở đến UBND xã M thông báo khởi công và kê khai nộp thuế thì Triệu Văn T hoặc Đỗ Minh H gặp và tính thuế, thu tiền thuế, sau đó thông báo cho Đồng Duy H đến UBND xã để nhận số tiền thuế đã thu. Khi nhận tiền, Đồng Duy H được Triệu Văn T hoặc Đỗ Minh H cho xem Thông báo ngày khởi công của các hộ dân, đồng thời Đồng Duy H ký

xác nhận đã nhận tiền. Một số hồ sơ Đồng Duy H tính nhầm diện tích xây dựng để quy ra số tiền thuế người dân phải nộp thì thấy số tiền thực tế Triệu Văn T hoặc Đỗ Minh H đưa cho ít hơn so với Đồng Duy H tính, hỏi thì được Triệu Văn T hoặc Đỗ Minh H trả lời kết quả Đồng Duy H tính là đúng nhưng vì người nộp thuế không nộp đủ nên chỉ thu được vậy. Do tin tưởng nên Triệu Văn T hoặc Đỗ Minh H đưa bao nhiêu tiền thì Đồng Duy H nhận bấy nhiêu. Căn cứ vào số tiền nhận được Đồng Duy H đem chia ngược công thức tính thuế để suy ra các thông tin rồi tự điền vào Tờ khai thuế theo mẫu, đồng thời in giấy nộp tiền thuế và đem tiền đi nộp vào NSNN. Sau khi nộp tiền thuế xong, Đồng Duy H đưa giấy đã nộp tiền cho Triệu Văn T hoặc Đỗ Minh H để trả lại cho người dân.

Đến khoảng giữa tháng 3-2022, Đồng Duy H phối hợp với Lương Thị T trong việc thu thuế XDCCB của các hộ dân, cách làm tương tự như với Triệu Văn T và Đỗ Minh H. Khi Đồng Duy H đến UBND xã M để nhận tiền thuế các hộ dân nộp, Lương Thị T chỉ đưa tiền cho Đồng Duy H, ngoài ra không đưa thêm tài liệu nào khác. Do tin tưởng Lương Thị T thu đúng số tiền thuế người dân phải nộp nên Đồng Duy H đã nhận và đem tiền chia ngược công thức tính thuế để suy ra các thông tin rồi tự điền vào Tờ khai thuế theo mẫu, in giấy nộp tiền thuế và đem tiền đi nộp vào NSNN; sau đó Đồng Duy H lấy giấy nộp tiền đưa cho Lương Thị T để đưa lại cho các hộ dân.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu thập được 90 hồ sơ xây dựng mới nhà ở của các hộ dân trong phạm vi thời gian phụ trách của Đồng Duy H, trong đó có 67 Giấy nộp tiền thuế vào NSNN do Đồng Duy H cung cấp, tương đương với 67 bộ hồ sơ. Theo Kết luận giám định của Cơ quan Thuế và các tài liệu có trong hồ sơ, xác định có 48 hồ sơ xây dựng nhà ở của các hộ dân xác định được tiền thuế, trong đó có 03 hồ sơ thu thừa tổng số tiền thuế là 4.418.680 đồng, 44 hồ sơ xác định được số tiền thuế thu thiếu gây thiệt hại cho NSNN là 218.617.048 đồng, 01 hồ sơ chưa tính thuế và chưa thu thuế số tiền là 27.078.856 đồng.

- Các hồ sơ Đồng Duy Hòa quản lý tính thuế

STT	Họ tên	Số tiền phải nộp	Số tiền đã nộp	Số tiền thiếu	Số tiền thừa
		(Đơn vị tính: Đồng)			
1	Trương Thị D	18.793.600	14.000.000	4.793.600	
2	Đinh Thanh T (Đinh Thị D)	7.653.450	4.700.000	2.953.450	
3	Ma Thanh B	8.176.000	7.000.000	1.176.000	
4	Hoàng Quang Đ (Vương Thị C)	5.668.950	3.000.000	2.668.950	
5	Lý Phương T	7.106.400	5.500.000	1.606.400	
6	Nguyễn Văn H	13.020.000	8.000.000	5.020.000	
7	Đỗ Mạnh H	24.703.280	10.000.000	14.703.280	

8	Dương Thị H	32.870.320	20.400.000	12.470.320	
9	Đinh Đức T	11.546.080	8.000.000	3.546.080	
10	Lương Thị T1	13.272.000	6.700.000	6.572.000	
11	Lô Thị L	7.714.448	3.000.000	4.714.448	
12	Lý Minh H	6.174.000	5.100.000	1.074.000	
13	Đặng Văn T	9.380.000	8.900.000	480.000	
14	Vũ Văn H	6.295.520	4.200.000	2.095.520	
15	Lương Thị S (Hoàng T)	20.270.320	10.000.000	10.270.320	
16	Hoàng Hữu M	20.123.250	5.000.000	15.123.250	
17	Vũ Đỗ T	15.225.280	15.000.000	225.280	
18	Lê Quang H	20.974.240	15.500.000	5.474.240	
19	Chu Thị Hồng D	8.736.000	8.400.000	336.000	
20	Lê Quốc B	20.689.200	8.200.000	12.489.200	
21	Tào Duy C	22.848.000	9.800.000	13.048.000	
22	Đinh Văn T	6.720.000	6.700.000	20.000	
23	Bùi Chí C (Trần Bá C)	18.704.000	10.200.000	8.504.000	
24	Trần Bá A (Nguyễn Thị Tuyết T)	12.751.200	10.000.000	2.751.200	
25	Lăng Phương T	14.112.000	8.000.000	6.112.000	
26	Hứa Quốc N	6.254.745	5.800.000	454.745	
27	Lương Văn L	7.380.800	7.901.000		520.200
28	Nguyễn Xuân H	18.693.920	14.000.000	4.693.920	
29	Trần Hữu N	7.967.120	6.800.000	1.167.120	
30	Nguyễn Thành L	14.531.440	10.000.000	4.531.440	
31	Ngô Vi M (Nguyễn Thanh T)	4.200.000	3.900.000	300.000	
32	Lê Thị Bích D	18.046.000	10.000.000	8.046.000	
33	Vũ Văn T	18.179.840	12.000.000	6.179.840	
34	Đàm Thị Thu H	8.736.000	12.600.000		3.864.000
35	Hoàng Đình H	22.177.120	9.000.000	13.177.120	
36	Lê Ngọc H	3.937.500	3.900.000	37.500	
37	Hoàng Trung H	17.920.000	17.900.000	20.000	
38	Trần Trung C	12.160.400	10.000.000	2.160.400	
39	Đào Thị V	11.990.720	9.600.000	2.390.720	

40	Tô Thị D	11.151.280	7.300.000	3.851.280	
41	Trần Văn Q	28.876.400	10.000.000	18.876.400	
42	Ma Thị T	5.504.625	5.000.000	504.625	
43	Ma Trọng Q	21.065.520	21.100.000		34.480
44	Hoàng Cao Q	17.522.400	11.200.000	6.322.400	
45	Nông Khánh L	13.160.000	11.400.000	1.760.000	
46	Trần Hữu N	7.836.640	6.800.000	1.036.640	
47	Nguyễn Văn T (Hoàng Thị T)	22.879.360	18.000.000	4.879.360	
Tổng		653.699.368	439.501.000	218.617.048	4.418.680
Các hồ sơ khởi công trong thời gian Đồng Duy Hòa phục trách, chưa tính thuế					
48	Phạm Hiệp G	27.078.856	0	27.078.856	
Tổng		27.078.856	0	27.078.856	

Đối với Chu Văn V: Từ ngày 10-8-2022 đến tháng 04-2023, Chu Văn V được giao nhiệm vụ quản lý thuế tại địa bàn xã M, có trách nhiệm hướng dẫn các hộ dân xây mới nhà ở tính thuế, kê khai nộp thuế theo quy định. Quá trình thực hiện nhiệm vụ, từ ngày 10-8-2022 đến tháng 02-2023, Chu Văn V đã không trực tiếp tính thuế, hướng dẫn kê khai thuế cho các hộ dân xây dựng mới nhà ở mà chỉ nhận tiền thuế thông qua Lương Thị T. Cụ thể: Khi có hộ dân đến UBND xã M thông báo khởi công xây dựng mới nhà ở và kê khai nộp thuế, Lương Thị T sẽ tiếp nhận hồ sơ, sau đó tính và thu tiền thuế rồi thông báo cho Chu Văn V đến UBND xã M để nhận số tiền thuế đã thu, đồng thời Lương Thị T đưa cho Chu Văn V tờ khai thuế đã có sẵn chữ ký của các hộ dân nhưng để trống phần nội dung. Căn cứ số tiền nhận từ Lương Thị T, Chu Văn V đem chia ngược theo công thức tính thuế để suy ra diện tích xây dựng của các công trình, trên cơ sở diện tích đã tính tiếp tục suy ra các thông tin cần thiết để điền vào Tờ khai thuế đã có sẵn chữ ký của các hộ dân, in giấy nộp tiền thuế và đem tiền đi nộp vào NSNN, sau đó đưa Giấy nộp tiền cho Lương Thị T để đưa cho các hộ dân.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu thập được 57 hồ sơ xây dựng mới nhà ở của các hộ dân thuộc thời gian phụ trách của Chu Văn V, trong đó có 50 Giấy nộp tiền thuế vào NSNN do Chu Văn V cung cấp, tương đương với 50 bộ hồ sơ. Theo Kết luận giám định của Cơ quan thuế và các tài liệu có trong hồ sơ, xác định có 35 hồ sơ đủ điều kiện xác định thuế, trong đó có 04 hồ sơ thu thừa tổng số tiền thuế là 2.850.850 đồng; 01 bộ thu đủ tiền thuế số tiền là 15.680.000 đồng, 27 hồ sơ xác định được số tiền thuế thu thiếu gây thiệt hại cho NSNN là 169.965.310 đồng; 03 hồ sơ chưa tính thuế số tiền là 52.810.800 đồng.

Các hồ sơ do Chu Văn V quản lý tính thuế

STT	Họ tên	Số tiền phải nộp	Số tiền đã nộp	Số tiền thiếu	Số tiền thừa
		(Đơn vị tính: Đồng)			
1	Bế Hoàng N	6.777.750	7.056.000		278.250
2	Triệu Văn T1	8.635.200	5.500.000	3.135.200	
3	Chu Hương T	19.854.800	9.000.000	10.854.800	
4	Nguyễn Tú Q	9.436.000	5.000.000	4.436.000	
5	Nguyễn Thị H	16.800.000	6.600.000	10.200.000	
6	Vi Thị K (Nông Văn N)	11.037.600	11.032.000	5.600	
7	Trần Mỹ H	12.734.400	11.000.000	1.734.400	
8	Nguyễn Thị H1	13.272.000	8.500.000	4.772.000	
9	Dương Thị L (Nguyễn Quang H)	24.194.240	18.000.000	6.194.240	
10	Lương Văn H	7.179.200	3.400.000	3.779.200	
11	Cam Thị K	13.955.200	2.072.000	11.883.200	
12	Lê Văn T1	23.140.320	9.000.000	14.140.320	
13	Hà Văn S	8.075.200	4.000.000	4.075.200	
14	Nguyễn Thị T	10.612.000	4.500.000	6.112.000	
15	Chu Hải Y	9.744.000	10.004.000		260.000
16	Phạm Phúc T	8.646.960	5.000.000	3.646.960	
17	Nguyễn Mậu P	6.798.400	4.500.000	2.298.400	
18	Ngô Thị Quỳnh C	7.235.200	3.000.000	4.235.200	
19	Hoàng Văn D	7.201.600	5.000.000	2.201.600	
20	Phạm Minh Q	30.116.800	30.000.000	116.800	
21	Hoàng Văn H	4.656.750	2.018.000	2.638.750	
22	Nguyễn Mạnh H	20.176.800	22.400.000		2.223.200
23	Ngô Văn H	20.176.800	4.000.000	16.176.800	
24	Nguyễn Thị L	10.052.000	2.000.000	8.052.000	
25	Ngô Ngọc A (Trần Văn T1)	18.723.600	9.000.000	9.723.600	
26	Lê Mạnh Q	26.489.120	7.840.000	18.649.120	
27	Vũ Đình M	13.947.360	8.792.000	5.155.360	
28	Trần Ngọc L	16.520.000	5.900.000	10.620.000	
29	Đình Xuân T	10.528.560	10.416.000	112.560	

30	Mai Thu T	9.016.000	4.000.000	5.016.000	
31	Nguyễn Thị Thúy H	15.680.000	15.680.000	0	
32	Sầm Mạnh T	12.157.600	12.247.000		89.400
Tổng		433.571.460	266.457.000	169.965.310	2.850.850
Các hồ sơ khởi công trong thời gian Chu Văn V phụ trách, chưa tính thuế					
33	Hoàng Vĩnh T	9.450.000	0	9.450.000	
34	Nguyễn Thị X	33.135.200	0	33.135.200	
35	Hoàng Hải N	10.225.600	0	10.225.600	
Tổng		52.810.800		52.810.800	

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2025/HS-ST ngày 16-7-2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Lạng Sơn đã: Căn cứ vào điểm b khoản 2, 4 Điều 356; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 41; khoản 1 Điều 47; khoản 1 Điều 48; Điều 50; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Thị B 03 năm tù về tội Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ, truy thu của bị cáo Lê Thị B số tiền 135.456.660 đồng, xác nhận bị cáo đã nộp 89.554.000 đồng, bị cáo còn phải nộp tiếp 45.902.660 đồng.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên phạt bị cáo Lương Thị T 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ; tuyên phạt bị cáo Đồng Duy H 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, bị cáo Chu Văn V 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng; tuyên về hình phạt bổ sung; tuyên về biện pháp tư pháp đối với các bị cáo Lương Thị T, Đồng Duy H và Chu Văn V; tuyên về xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo và nội dung về thi hành án đối với trách nhiệm dân sự theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Lê Thị B kháng cáo đề nghị chuyển khung hình phạt cho bị cáo sang khoản 1 Điều 356 của Bộ luật Hình sự và xin được hưởng án treo; đề nghị truy thu số tiền 45.902.660 đồng từ các hộ dân.

Tại phiên tòa: Bị cáo Lê Thị B xin rút kháng cáo đối với nội dung đề nghị chuyển khung hình phạt cho bị cáo sang khoản 1 Điều 356 của Bộ luật Hình sự và đề nghị truy thu số tiền 45.902.660 đồng từ các hộ dân, bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo từ xin hưởng án treo sang kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn: Bản án sơ thẩm kết án bị cáo về tội Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ là đúng tội, đúng pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng nhân thân, tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như đã xem xét đầy đủ về nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ và ấn định mức hình phạt đối với bị cáo theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo rút một phần nội dung kháng cáo và thay đổi nội dung kháng cáo, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt, việc thay đổi kháng cáo của bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo cung cấp thêm các tài liệu chứng cứ thể hiện các năm 2020, 2021, 2024 bị cáo

được khen thưởng Lao động tiên tiến; bị cáo nộp cho Cơ quan Thi hành án số tiền truy thu là 45.902.660 đồng để khắc phục hậu quả; bị cáo là người thờ cúng Liệt sỹ; bị cáo đạt thành tích cao trong giải thể thao của ngành thuế; bị cáo đã ly hôn chồng và bị cáo là người trực tiếp nuôi, chăm sóc và chữa bệnh cho con bị khuyết tật đặc biệt nặng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới phát sinh tại cấp phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 nên chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 355, Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm về mức hình phạt tù của bị cáo, giảm hình phạt cho bị cáo từ 08 đến 10 tháng tù.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Lê Thị B: Nhất trí với đề nghị của Viện kiểm sát, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt, cho bị cáo được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Thị B thừa nhận hành vi phạm tội đúng như Bản án sơ thẩm đã tuyên. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Lê Thị B về tội Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ theo quy định tại điểm b khoản 2, 4 Điều 356 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không oan.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét khách quan, toàn diện, đánh giá đúng tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015; mức hình phạt 03 năm tù mà cấp sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo là phù hợp, đúng quy định của pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã nộp các tài liệu mới thể hiện: Bị cáo đã nộp 45.902.660 đồng để thi hành xong số tiền bị truy thu (Về biện pháp tư pháp cần xác nhận nội dung này); bị cáo có hoàn cảnh khó khăn được Công đoàn cơ sở Chi cục thuế tỉnh Lạng Sơn trợ cấp; ngày 11-9-2025 vợ chồng bị cáo đã ly hôn và bị cáo là người trực tiếp nuôi người con bị khuyết tật là Đỗ Minh T, anh Đỗ Minh T thường xuyên phải đi khám chữa tại bệnh viện; quá trình công tác bị cáo được tặng danh hiệu Lao động tiên tiến các năm 2020, 2021, 2024; bị cáo từng tham gia Hội thao ngành thuế và đạt Huy chương đồng; bị cáo có anh trai là liệt sỹ Lê Văn H được tặng Huân chương kháng chiến hạng ba, hiện nay bị cáo đang thờ cúng liệt sỹ Lê Văn H. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới mà bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Xét thấy bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và nhiều tình tiết giảm nhẹ

trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 nên có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, ý kiến của người bào chữa, ý kiến nào phù hợp với nhận định nêu trên thì được chấp nhận, ý kiến nào không phù hợp thì không được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Lê Thị B không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm

[6] Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Thị B; sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2025/HS-ST ngày 16-7-2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Lạng Sơn đối với phần hình phạt tù của bị cáo Lê Thị B, cụ thể như sau:

1. Về hình phạt: Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 4 Điều 356; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 41, Điều 50; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Lê Thị B 02 (hai) năm 02 (hai) tháng tù về tội Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án được trừ đi thời gian đã tạm giam từ ngày 23-8-2023 đến ngày 06-10-2023.

Về hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo Lê Thị B đảm nhiệm chức vụ, thực hiện các công việc liên quan trực tiếp đến thu thuế trong thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

2. Về biện pháp tư pháp: Xác nhận bị cáo đã nộp 45.902.660 đồng (bốn mươi lăm triệu chín trăm linh hai nghìn sáu trăm sáu mươi đồng) để thi hành án tại Biên lai thu tiền số 0000281 ngày 18-9-2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Thị B không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND tối cao;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- CQCSĐT, Công an tỉnh Lạng Sơn;
- PV06, PC10 Công an tỉnh Lạng Sơn;
- TAND Khu vực 1 - Lạng Sơn;
- VKSND Khu vực 1 - Lạng Sơn;
- Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo;
- Những người TGTT khác;
-;
- Lưu: HS; Tòa HS; HCTP, KTNV&THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lộc Sơn Thái

